

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÚI THÀNH
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:06/2018/HS-ST.

Ngày : 06/02/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Bùi Đình Dũng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông: Dương Minh Ngọc.

2/ Ông: Nguyễn Hoàng Vũ.

Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Xuân Thùy** - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên toà: Ông **Bùi Văn Cảnh** - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2018, tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi thành, tỉnh Quảng Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 64/2017/TLST-HS ngày 08 tháng 12 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXXST-HS ngày 09/01/2018 đối với bị cáo sau đây:

- Lê Thị S, sinh ngày 02 tháng 02 năm 1966 tại M, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Nơi cư trú: Khối phố T, phường M, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hoá (học vấn) 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông X (chết) và bà S, sinh năm: 1944, trú tại: khối phố T, phường M, thành phố T, tỉnh Quảng Nam;

Chồng là Đ (đã ly hôn) và hai con, con lớn nhất sinh năm 1984; nhỏ nhất sinh năm 1993;

Tiền sự: không;

Tiền án: Ngày 30/11/1998 bị Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tuyên phạt 17 năm tù về tội “mua bán trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/9/2009; chưa chấp hành hình phạt bổ sung và án phí;

Về nhân thân:

- Ngày 24/8/2011, bị Tòa án nhân dân thị xã Q tuyên phạt 09 tháng tù về

tội trộm cắp tài sản (đã được xóa án tích).

- Ngày 24/01/2015, bị Công an thành phố T, tỉnh Quảng Nam xử phạt 2.000.000 đồng về hành vi đánh bạc (đã nộp phạt xong).

Bị cáo đang áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

+ Ông T, sinh năm: 1981, trú tại: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Xin vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà H, sinh năm: 1981, trú tại: khối phố T, phường M, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ ngày 24/9/2017, S điều khiển xe mô tô hiệu Atila BKS 92N1-157.57 do H làm chủ sở hữu, đi từ T vào H, huyện N. Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, S đến tiệm vàng N T của ông T để hỏi mua vàng. S có hỏi mua dây chuyền vàng thì ông T đưa cho S 02 sợi dây chuyền vàng để xem. S cầm 02 sợi dây chuyền vàng xem rồi trả lại cho ông T 01 sợi dây chuyền vàng. Lúc này khách vào đông, ông T quay sang bán hàng cho khách. Lợi dụng lúc sơ hở ông T không để ý, S lén lút lấy 01 sợi dây chuyền vàng đi ra ngoài bỏ vào cốp xe rồi lên xe rời khỏi tiệm vàng. Sau khi S rời khỏi tiệm vàng được khoảng 04-05 phút, ông T phát hiện bị mất một sợi dây chuyền nên lấy xe máy đuổi theo. Đến bên phà T ông T bắt gặp S đang đứng đợi phà. Ông T hỏi S lấy cái gì thì S trả lời lấy sợi dây chuyền vàng. S mở cốp xe của mình lấy 01 sợi dây chuyền vàng 18K có trọng lượng 2,29 chỉ mà mình vừa trộm được trả lại cho ông T. Sau đó ông T điện thoại cho công an xã T đến lập biên bản và tạm giữ các tang vật có liên quan.

Tại bảng kết luận định giá tài sản số 80/2017/KLGTS ngày 29/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N kết luận: 01 sợi dây chuyền bằng vàng 18K, trọng lượng 2,29 chỉ có giá trị 5.848.600 đồng.

Về vật chứng vụ án:

- 01 sợi dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 2,29 chỉ;
- 01 xe mô tô Atila màu đỏ, BKS 92N1-157.57.
- 01 giấy đăng ký xe mô tô BKS 92N1-157.57
- 01 điện thoại Samsung Dous số Imei 356126/06/3979114/3;
- 01 chứng minh nhân dân mang tên S.

Tất cả các tài sản này đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Núi Thành trả lại cho các chủ sở hữu hợp pháp.

Phản dân sự: Người bị hại là ông T đã nhận lại tài sản bị mất và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại bản cáo trạng số: 62/CT-VKS ngày 30/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam đã truy tố bị cáo S về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội: “Trộm cắp tài sản”, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ nghị quyết 41/2017 áp dụng khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Đồng thời Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khi lượng hình đối với bị cáo S do bị cáo có tiền án về tội “mua bán trái phép chất ma túy” chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52 đối với bị cáo S; tuy nhiên, bị cáo S thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm h, s khoản 1 Điều 51 đối với bị cáo S, đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành đã truy tố.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên Tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau: ⁽²⁸⁾

[1] Ngày 24/9/2017, lợi dụng sơ hở của ông T, bị cáo S có hành động lén lút chiếm đoạt của ông T 01 sợi dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 2,29 chỉ có giá trị 5.848.600 đồng. Hành vi của bị cáo S đầy đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại khoản 1 Điều 138 bộ luật hình sự năm 1999. Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét tính chất của vụ án:

Tài sản hợp pháp của mọi công dân đều được pháp luật bảo vệ, không ai xâm phạm đến tài sản hợp pháp của công dân. Bị cáo S nhận thức rõ được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Thế nhưng vì muốn có tiền để tiêu xài cá nhân mà không phải lao động, bị cáo đã coi thường pháp luật, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu lén lút lấy tài sản của ông T. Hành vi trên của bị cáo là vi phạm pháp luật; làm cho quần chúng nhân dân lo lắng, gây ảnh hưởng trật tự trị an trong địa phương. Do vậy, cần phải có mức án thích đáng đối với bị cáo S nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Bị cáo S do có tiền án về tội “mua bán trái phép chất ma túy” chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nên cần xem xét đây là tình tiết tăng nặng khi lượng hình theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015; nhân thân bị cáo S đã từng bị Tòa án tuyên phạm tội “Trộm cắp tài sản” năm 2011; bị xử phạt hành chính và hành vi đánh bạc năm 2015; tuy nhiên, bị cáo S thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội

nhưng chưa gây thiệt hại; đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 cần xem xét khi lượng hình.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại đủ tài sản và không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

Đối với bà H khi cho S mượn xe không biết S sử dụng vào mục đích trộm cắp; bà H cũng đã nhận lại xe nên không đề cập xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo: S phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo: S 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu là: 200.000^d.

Báo cho bị cáo S, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà H biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật để xin Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận

- Bị cáo;
- VKSND huyện Núi Thành;
- Công an huyện Núi Thành;
- Lưu hồ sơ, lưu bộ phận HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Bùi Đình Dũng

TÒA ÁN⁽¹⁾.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....;

Tại:⁽²⁾.....

Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:⁽³⁾

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà).....

Thẩm phán: Ông (Bà).....

Tiến hành nghị án vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số:.../.../TLPT-HS
ngày...tháng...năm....đối với:

Bị cáo⁽⁴⁾.....sinh ngày.....tháng.....năm.....tại.....đã
bị Tòa án⁽⁵⁾.....xử phạt về tội (các tội)⁽⁶⁾.....theo
điểm (các điểm).....khoản (các khoản).....Điều (các điều)..... của Bộ luật
Hình sự với mức hình phạt⁽⁷⁾.....

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

*Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả
tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.*

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:⁽⁸⁾

.....
.....

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ.....phút....., ngày.....tháng.....năm....

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét
xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)